TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2024/DS-PT
Ngày: 30-12-2024
Về việc "Tranh chấp yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Đinh Tiền Phương

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 459/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp yêu cầu xác định tài sản chung vợ chồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 403, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1974.

2. Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: số 2, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc H. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Khu vực C. Địa chỉ chi nhánh: Ấp 6, xã N, huyện TT, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Ngọc T1

(Bà T1, ông K có mặt; bà T2 và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06/5/2024, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ngọc T1 trình bày:

Theo Bản án số 42/2021/HNGĐ-ST ngày 29/12/2021 và Quyết định số 34/2022/QĐ-PT ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bà Nguyễn Ngọc T2 có nghĩa vụ thi hành án cho bà số tiền tổng cộng là 227.800.000 đồng + 158.200.000 đồng = 386.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án với lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo các quyết định của Tòa án đều xác định các khoản nợ nêu trên là nợ riêng của bà Nguyễn Ngọc T2. Sau khi các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà đã nộp đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An, Cơ quan Thi hành án đã ra Quyết định thi hành án số 237/QĐ-CCTHADS ngày 15/02/2022 và số 668/QĐ-CCTHADS ngày 08/6/2023. Ngày 14/4/2022, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An ra Thông báo số 255/TB-CCTHADS về việc cung cấp thông tin tài sản về thi hành án, xác định thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 2, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông Nguyễn Anh K. Tuy nhiên, theo bà thì thửa đất 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 2, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An (gọi tắt là "thửa 598") có nguồn gốc do mẹ của ông Nguyễn Anh K là bà Phạm Thị Ngữ tặng cho ông Nguyễn Anh K vào năm 2010 là trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Ngọc T2 và căn nhà trên thửa 598 là do vợ chồng ông K và bà T2 cùng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy ông K được tặng cho quyền sử dụng đất thửa 598 nhưng thực tế vợ chồng ông K và bà T2 đã cùng chung sống tại thửa 598 từ lúc cưới nhau vào khoảng 1998 cho đến khi ly hôn, bà T2 có công tôn tạo, gìn giữ và làm tăng giá trị quyền sử dụng đất nên quyền sử dụng đất thửa 598 và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) là tài sản chung của ông K và bà T2. Tại Thông báo số 785/TB-CCTHADS ngày 23/10/2023, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An đã thông báo cho bà về việc bà là người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án là bà Nguyễn Ngọc T2 trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất thửa 598 và căn nhà trên thửa 598 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 và chia cho bà Nguyễn Ngọc T2 được hưởng ½ tài sản có giá trị là 729.821.500 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 đã được Tòa

án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để các bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc T1. Tuy nhiên, các bị đơn ông K và bà T2 đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt số 202/NHN$_o$KVCV ngày 09/5/2024 như sau: Ông Nguyễn Anh K có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Khu vực Cầu Voi Đông Long An theo Hợp đồng tín dụng số 6617-LAV-202400063 ngày 17/01/2024, thời hạn trả là ngày 17/01/2029, số tiền cho vay là 300.000.000 đồng, tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 598, diện tích 393,8m^2, loại đất ONT, địa chỉ: xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 156091 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Anh K ngày 29/8/2014. Ông Nguyễn Anh K không thuộc trường hợp nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017. Vì hợp đồng vay chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa có yêu cầu đòi nợ, nếu ông Nguyễn Anh K vi phạm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác và yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ việc giữa bà Lê Ngọc T1 và ông Nguyễn Anh K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 179, Điều 192, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1 về "Tranh chấp yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng" đối với ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2.

Xác định căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2, bà Nguyễn Ngọc T2 được quyền sở hữu ½ căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1 về việc yêu cầu xác định thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Ngọc T1 về việc yêu cầu chia cho bà Nguyễn Ngọc T2 được hưởng ½ giá trị tài sản là 729.821.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, bà Lê Ngọc T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm xác định thửa đất 598 là tài sản chung của bà bà T2 và ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1, xác định căn nhà trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2, bà T2 được sở hữu ½ căn nhà nêu trên; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1 về yêu cầu xác định thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2.

Từ những căn cứ trên: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Ngọc T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Lê Ngọc T1 làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng" là phù hợp theo quy định tại tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Các đương sự vắng mặt: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Ngọc T1:

[2.1] Xét tài sản là quyền sử dụng đất thửa 598: Ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 xác lập quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130.2002 đăng ký ngày 26/12/2002. Ngày 25/01/2010, mẹ của ông Nguyễn Anh K là bà Phạm Thị Ngữ lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1411; Quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng Số 1 tỉnh Long An, tặng cho ông Nguyễn Anh K thửa đất số 1515 (pcl), tờ bản đồ số 03, diện tích 793m^2, mục đích sử dụng ONT, tọa lạc tại xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An (gọi tắt là "Hợp đồng tặng cho"). Tại Điều 2 của Hợp đồng tặng cho thỏa thuận "Mẹ tặng cho con không có điều kiện kèm theo".

[2.2] Theo Công văn số 86/CNVPĐKĐĐ ngày 22/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện T, tỉnh Long An về việc cung cấp thông tin về đất đai, tài liệu, chứng cứ đã xác định năm 2014, thửa 1515, tờ bản đồ số 03 được đổi thành thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24 do lập bản đồ địa chính mới. Tháng 03/2020, thửa đất số 598 tách thành hai thửa 728 và thửa 598 (pcl), thửa 728 có diện tích 305,3m^2, ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ta theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 943/2020; Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/3/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Long An (gọi tắt là "Hợp đồng chuyển nhượng"). Tại Công văn số 616/CV-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An xác định: Qua quá trình thẩm tra xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 2, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An có 01 căn nhà cấp 4 hiện do ông Nguyễn Anh K quản lý và sử dụng. Căn nhà trên thửa đất 598 là do ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 cùng xây dựng từ năm 2019 (từ số tiền bán một phần thửa đất số 598). Thửa đất số 598 trước đây đã có căn nhà được bà Phạm Thị Ngữ xây cất. Đến năm 2019, ông K và bà T2 phá bỏ căn nhà cũ và xây dựng lại căn nhà cấp 4 hiện tại. Căn nhà này là căn nhà duy nhất mà bà T2 và ông K cùng các con sinh sống tại đây.

[2.3] Như vậy, theo phân tích trên có cơ sở xác định sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất thửa 598, từ năm 2010 đến khi ly hôn năm 2021, bà T2 và ông K cùng chung sống tại căn nhà trên thửa đất 598, cùng phát triển tài sản gia đình, nuôi dạy con chung nên có căn cứ xác định căn nhà cấp 4 trên thửa đất 598 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Ngọc T2 và ông Nguyễn Anh K phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nên Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Ngọc T2 có quyền sở hữu ½ căn nhà. Riêng, đối với quyền sử dụng đất này có nguồn gốc là của bà Phạm Thị Ngữ, mẹ ruột của ông K tặng cho, nên khi chia tài sản chung cần phải xem xét công sức đóng góp cho ông K nhiều hơn, nên Hội đồng xét xử xem xét chia cho ông K 6/10 phần giá trị quyền sử dụng đất, bà T2 được chia 4/10 phần giá trị quyền sử dụng đất.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông K là chưa phù hợp, kháng cáo của bà Lê Ngọc T1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá là 13.628.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1 được chấp nhận nên các bị đơn ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Lê Ngọc T1 đã nộp tạm ứng chí phí tố tụng nên buộc ông Nguyễn Anh K, bà Nguyễn Ngọc T2 mỗi người phải hoàn lại cho bà Lê Ngọc T1 số tiền chi phí tố tụng là 6.814.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lê Ngọc T1 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007004 ngày 03/11/2023 và số 0009511 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc T1 không phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc T1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 179, Điều 192, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T1 về "Tranh chấp yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng" đối với ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2.

1.1. Xác định căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 598 và thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2. Bà Nguyễn Ngọc T2 được quyền sở hữu ½ giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 598 và 4/10 giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 598, thuộc tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Ấp 4, xã Lạc Tấn, huyện T, tỉnh Long An.

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Ngọc T1 về việc yêu cầu chia cho bà Nguyễn Ngọc T2 được hưởng ½ giá trị tài sản là 729.821.500 đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Buộc ông Nguyễn Anh K phải hoàn lại cho bà Lê Ngọc T1 số tiền chi phí tố tụng là 6.814.000 đồng.

2.2. Buộc bà Nguyễn Ngọc T2 phải hoàn lại cho bà Lê Ngọc T1 số tiền chi phí tố tụng là 6.814.000 đồng.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Ngọc T2 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí.

3.2. Bà Lê Ngọc T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007004 ngày 03/11/2023 và số 0009511 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lê Ngọc T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009663 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Đinh Tiền Phương – Trịnh Thị Phúc	**Phùng Thị Cẩm Hồng**

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng